

Số: 07 /NQ-HĐQT

Vĩnh Long, ngày 18 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030 và
việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư
và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2026**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dữ liệu quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre hiện hành;

Căn cứ Biên bản họp số 03/BB-HĐQT ngày 17/8/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua các nội dung:

1. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030 với một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	- Sản lượng nước ghi thu	m3	23.427.000	25.302.000	26.060.000	27.885.000	29.840.000
	- Tăng trưởng	%	2	8	3	7	7
2	- Tổng doanh thu	Triệu đồng	249.200	274.120	301.532	331.685	393.544
	- Tăng trưởng	%	1,35	10,00	10,00	10,00	18,65
3	- Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	55.700	61.270	67.397	74.137	110.241

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
	- Tăng trưởng	%	-14,7	10,00	10,00	10,00	48,70
4	- Nộp ngân sách	Triệu đồng	50.543	49.622	50.678	51.840	61.110
	+ Nộp cổ tức của phần vốn nhà nước	Triệu đồng	20.698	18.816	18.816	18.816	18.816
	+ Nộp các loại thuế, phí	Triệu đồng	29.845	30.806	31.862	33.024	42.294
5	- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	46.100	50.710	55.781	61.359	88.193
	- Tăng trưởng	%	-14,7	10,00	10,00	10,00	43,73
6	- Tỷ lệ cổ tức	%	10	10	10	10	10
7	- Vốn điều lệ	Triệu đồng	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000
8	Nhu cầu quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	8.300	18.000	20.000	22.000	24.000
9	Tổng nhu cầu đầu tư XDCB	Triệu đồng	66.070	75.000	75.000	75.000	75.000
	Trong đó						
	- Quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	8.300	18.000	20.000	22.000	24.000
	- Nguồn khác hoặc vốn vay	Triệu đồng	57.770	57.000	55.000	53.000	51.000

(Các chỉ tiêu SXKD theo kế hoạch này hàng năm sẽ được điều chỉnh theo kết quả thực hiện của năm trước liền kề và trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm).

2. Thông qua việc đề nghị bổ sung kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

- Về đầu tư xây dựng cơ bản: Tổng kinh phí các công trình đề nghị điều chỉnh bổ sung 10,52 tỷ đồng gồm các hạng mục công trình theo phụ lục tại Tờ trình số 779/TTr-CTN. Kinh phí kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2026 sau khi điều chỉnh, bổ sung là 76,59 tỷ đồng.

- Về mua sắm vật tư, tài sản: Tổng kinh phí mua sắm tài sản, vật tư đề nghị bổ sung là 2,2 tỷ đồng gồm các tài sản, vật tư theo phụ lục tại Tờ trình số 779/TTr-CTN. Kinh phí kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư năm 2026 sau khi được điều chỉnh, bổ sung là: 43,9 tỷ đồng.

Điều 2. Giao Tổng Giám đốc căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030 và các nội dung điều chỉnh, bổ sung kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, thư ký HĐQT, các trưởng phó đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HNX;
- Website Công ty;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, TKHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Hùng

Số: 728 /TTr-CTN

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 7 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Công văn số 6027/BTC-DNNN ngày 12/5/2026 của Bộ Tài chính về việc đơn đốc giao chỉ tiêu tăng trưởng năm 2026 và giai đoạn 5 năm đối với doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý;

Căn cứ Tờ trình số 1625/TTr-STC ngày 17/7/2026 của Sở Tài chính về việc đề xuất UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre về một số nhiệm vụ và chỉ tiêu cơ bản đối với chiến lược phát triển giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre hiện hành;

Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/ĐU ngày 10/6/2026 của Đảng ủy Công ty về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh giai đoạn 2025-2030;

Tổng Giám đốc kính trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	- Sản lượng nước ghi thu	m3	23.427.000	25.302.000	26.060.000	27.885.000	29.840.000
	- Tăng trưởng	%	2	8	3	7	7
2	- Tổng doanh thu	Triệu đồng	249.200	274.120	301.532	331.685	393.544
	- Tăng trưởng	%	1,35	10,00	10,00	10,00	18,65
3	- Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	55.700	61.270	67.397	74.137	110.241
	- Tăng trưởng	%	-14,7	10,00	10,00	10,00	48,70

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
4	- Nộp ngân sách	Triệu đồng	50.543	49.622	50.678	51.840	61.110
	+ <i>Nộp cổ tức của phần vốn nhà nước</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>20.698</i>	<i>18.816</i>	<i>18.816</i>	<i>18.816</i>	<i>18.816</i>
	+ <i>Nộp các loại thuế, phí</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>29.845</i>	<i>30.806</i>	<i>31.862</i>	<i>33.024</i>	<i>42.294</i>
5	- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	46.100	50.710	55.781	61.359	88.193
	- <i>Tăng trưởng</i>	%	<i>-14,7</i>	<i>10,00</i>	<i>10,00</i>	<i>10,00</i>	<i>43,73</i>
6	- Tỷ lệ cổ tức	%	10	10	10	10	10
7	- Vốn điều lệ	Triệu đồng	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000
8	Nhu cầu quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	8.300	18.000	20.000	22.000	24.000
9	Tổng nhu cầu đầu tư XDCB	Triệu đồng	66.070	75.000	75.000	75.000	75.000
	<i>Trong đó</i>						
	- <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>8.300</i>	<i>18.000</i>	<i>20.000</i>	<i>22.000</i>	<i>24.000</i>
	- <i>Nguồn khác hoặc vốn vay</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>57.770</i>	<i>57.000</i>	<i>55.000</i>	<i>53.000</i>	<i>51.000</i>

(kèm theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030)

Kính đề nghị Hội đồng quản trị xem xét thông qua các nội dung trên làm cơ sở triển khai thực hiện trong năm.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TC-HC.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Bình

Số: 779/TTr-CTN

Vĩnh Long, ngày 12 tháng 8 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị điều chỉnh bổ sung Kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2026

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh kèm theo Kế hoạch mua sắm tài sản vật tư và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2026;

Căn cứ Bản đề nghị về việc bổ sung kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2026 của Phòng Kế hoạch – Tổng hợp và Phòng Kỹ thuật;

Tổng Giám đốc kính trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số công trình xây dựng cơ bản và danh mục tài sản vật tư cần thực hiện đầu tư và mua sắm gấp trong năm 2026 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Về đầu tư xây dựng cơ bản:

- Tổng kinh phí Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2026 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua: 66,07 tỷ đồng.

- Kinh phí các công trình điều chỉnh, bổ sung: **10,52 tỷ đồng**.

Trong đó:

+ Công trình đầu tư điều chỉnh: 6,86 tỷ đồng.

+ Công trình bổ sung năm 2026: 3,66 tỷ đồng.

(Kèm theo danh mục chi tiết tại Phụ lục 1)

- Kinh phí kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2026 sau khi điều chỉnh, bổ sung là: **76,59 tỷ đồng** (Bằng chữ: Bảy mươi sáu tỷ, năm trăm chín mươi triệu đồng).

2. Về mua sắm tài sản, vật tư:

- Căn cứ nhu cầu thực tế của các đơn vị, kinh phí mua sắm tài sản, vật tư phát sinh ngoài kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư năm 2026 của các đơn vị trực thuộc là **2,2 tỷ đồng** (kèm theo danh mục chi tiết tài sản, vật tư bổ sung tại Phụ lục 2).

- Tổng kinh phí Kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư năm 2026 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua là: 41,7 tỷ đồng.

- Tổng kinh phí kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư năm 2026 sau khi được điều chỉnh, bổ sung là: **43,9 tỷ đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi ba tỷ, chín trăm triệu đồng).

Kính đề nghị Hội đồng quản trị xem xét thông qua việc điều chỉnh bổ sung Kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2026 làm cơ sở triển khai thực hiện trong năm.

Trân trọng kính trình./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thư ký HĐQT (trình HĐQT);
- Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Bình

Phụ lục 1: Kế hoạch Đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2026 (bổ sung)

STT	Tên hạng mục công trình - Qui mô	Kinh phí đầu tư trước điều chỉnh	Kinh phí đầu tư sau khi điều chỉnh	Tăng /Giảm
I. CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ ĐẦU TƯ		26,25	33,111	6,861
A	Khu vực các Phường và các khu vực lân cận (năm 2026)			
1	Công trình: Mạng lưới cấp nước các phường, xã đợt 1 năm 2026, Hạng mục: Ống nhánh HDPE D63	1,5	1,805	0,305
2	Công trình: Tuyến ống cấp nước lộ Cơ Khí năm 2026, Hạng mục: Ống HDPE D450	8,6	11,284	2,684
3	Công trình: Mạng lưới cấp nước các phường, xã đợt 2 năm 2026, Hạng mục: Ống nhánh HDPE D63	1,3	1,566	0,266
B	Khu vực CNCN Giồng Trôm (năm 2026)			
1	Công trình: Cải tạo hệ thống đường ống công nghệ Trạm bơm cấp 1 và 2, lan can và cầu thang NMN Lương Quới năm 2026	1,2	1,105	-0,095
2	Công trình: Cải tạo, nâng cấp MLCN xã Giồng Trôm năm 2026, Hạng mục: Ống cấp nước các loại	2,0	2,057	0,057
3	Công trình: Mạng lưới cấp nước ấp 6 xã Lương Hòa, Hạng mục: Ống cấp nước các loại.	2,65	2,698	0,048
4	Công trình: Cải tạo, nâng cấp MLCN xã Lương Phú và vùng lân cận năm 2026, Hạng mục: Ống cấp nước các loại	1,65	2,014	0,364
5	Công trình: Mạng lưới cấp nước xã Giồng Trôm và các xã lân cận, Hạng mục: Ống nhánh HDPE 63.	1,85	1,9	0,050
C	Khu vực CNCN Mỏ Cày (năm 2026)			
1	Công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc cũ và Mỏ Cày Nam cũ năm 2026 Hạng mục: Ống cấp nước HDPE D63	1,95	2,088	0,138
D	Khu vực CNCN Phú Tân (năm 2026)			
1	Công trình: Xây dựng hệ thống ép bùn thải CN Phú Tân	2	3,6	1,6
2	Công trình: Xây dựng nhà kho Chi nhánh cấp nước Phú Tân	0,85	2,58	1,73

STT	Tên hạng mục công trình - Qui mô	Kinh phí đầu tư trước điều chỉnh	Kinh phí đầu tư sau khi điều chỉnh	Tăng /Giảm
3	Công trình: Xây dựng mái che 2 cụm xử lý 5000 m3 ngày đêm Chi nhánh Phú Tân	0,7	0,414	-0,286
II. CÔNG TRÌNH BỔ SUNG NĂM 2026			3,66	3,66
1	Công trình: Lắp đặt ống HDPE D160 qua sông Mỏ Cày		0,45	0,45
2	Công trình: Mạng lưới cấp nước Cụm công nghiệp Tân Thành Bình năm 2026 Hạng mục: Ống cấp nước các loại.		2,2	2,2
3	Công trình: Phá dỡ các nhà che và trạm điện hạ thế giếng nước ngầm chi nhánh cấp nước Phú Tân		0,55	0,55
4	Công trình: Phá dỡ hàng rào và nhà làm việc Định Thủy		0,06	0,06
5	Công trình: Vớt lục bình trên rạch từ rạch Thành Triệu đến kênh Thanh Bình		0,4	0,4
TỔNG KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH VÀ BỔ SUNG: (I)+(II)				10,521

(Bằng chữ: Mười tỷ, năm trăm hai mươi một triệu đồng).

Phụ lục 2: Kế hoạch mua sắm vật tư, tài sản năm 2026 (bổ sung)

STT	Tên vật tư, công tác	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn vị sử dụng
1	Sửa chữa máy TDS - Phú Tân	lần	1	3.000.000	3.000.000	CNCN Phú Tân
2	Ejecor châm Clo - Chợ Lách	cái	2	10.300.000	20.600.000	CNCN Chợ Lách
3	Thiết bị điều chỉnh định lượng Clo ECO-CHLOR - Chợ Lách	cái	1	21.800.000	21.800.000	CNCN Chợ Lách
4	Sửa bơm 132kW An Hiệp	cái	1	16.700.000	16.700.000	NMN An Hiệp
5	Sửa biến tần 132kW NMN An Hiệp	lần	1	22.250.000	22.250.000	NMN An Hiệp
6	Ổng áp lực - Giồng Trôm	cái	2	1.750.000	3.500.000	CNCN Giồng Trôm
7	PIN LOGGER 7,2V - Giồng Trôm	bộ	6	1.500.000	9.000.000	CNCN Giồng Trôm
8	Sửa chữa máy bơm 75 kW - Phú Tân	cái	1	16.000.000	16.000.000	CNCN Phú Tân
9	Sửa chữa guồng bơm 55kW - Mỏ Cày	cái	1	16.000.000	16.000.000	CNCN Mỏ Cày
10	Bộ hâm nhiệt 25W De Nora - Mỏ Cày	cái	1	5.500.000	5.500.000	CNCN Mỏ Cày
11	Ổng nối hợp kim đồng Sherwood - Mỏ Cày	ống	2	6.000.000	12.000.000	CNCN Mỏ Cày
12	Thiết bị điều chỉnh chân không De Nora 480 - Mỏ Cày	cái	1	18.500.000	18.500.000	CNCN Mỏ Cày
13	Ổng nhựa mềm từ máy châm đến Ejecto 15m	cuộn	1	4.500.000	4.500.000	NMN An Hiệp
14	Mát châm Clo Model NXT 3000 Denora - Sơn Đông	bộ	1	68.000.000	68.000.000	NMN Sơn Đông
15	Máy đo đa chỉ tiêu HI9811-51 Lương Quới	cái	1	6.525.000	6.525.000	CNCN Giồng Trôm
16	Máy đo pH HI98190 - Phú Tân	cái	1	17.806.000	17.806.000	CNCN Phú Tân
17	Tê uPVC D27	cái	400	6.900	2.760.000	Phục vụ sửa chữa MLCN
18	Mặt bít inox rỗng D300 PN16 - Ba Lai	cái	4	2.847.000	11.388.000	"
19	Van cổng gang 1 chiều DN300-BB (PN16) - Mỏ Cày	cái	1	22.255.000	22.255.000	"
20	Van góc đầy 25x3/4" (bằng đồng)	cái	2.200	185.000	407.000.000	"
21	Cút PP D25x90 độ	cái	1.700	57.000	96.900.000	"

STT	Tên vật tư, công tác	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn vị sử dụng
22	Nối PP D25	cái	1.200	64.000	76.800.000	"
23	Mặt bít uPVC D114	cái	20	137.800	2.756.000	"
24	Van thau 1 chiều D60	cái	10	700.000	7.000.000	"
25	Nối uPVC D60 RN	cái	100	13.300	1.330.000	"
26	Nối uPVC D60 RT	cái	50	16.400	820.000	"
27	Van uPVC D27	cái	300	26.100	7.830.000	"
28	Đầu răng inox D34	cái	30	44.300	1.329.000	"
29	Đầu răng inox D27	cái	50	30.000	1.500.000	"
30	Canh inox D42x27	cái	20	58.000	1.160.000	"
31	Côđê gang DN300x60 (nối OD315)	cái	10	1.532.000	15.320.000	"
32	Côđê gang DN300x60 (nối OD323-326)	cái	5	1.720.000	8.600.000	"
33	Côđê PP D42x27	cái	20	78.600	1.572.000	"
34	Côđê PP D49x27	cái	60	91.050	5.463.000	"
35	Van gang D63 EE	cái	50	1.050.000	52.500.000	"
36	Ống HDPE D32x3	mét	600	18.785	11.271.000	"
37	Mua Bê tông nhựa nguội	tấn	2,2	2.050.000	4.510.000	"
38	Mua thép hộp NMN Sơn Đông	kg	56	19.244	1.077.664	"
39	Cút HDPE D315x90 độ	cái	6	2.700.000	16.200.000	"
40	Mặt bít HDPED315	cái	3	1.296.000	3.888.000	"
41	Bulon M20x200	bộ	48	27.000	1.296.000	"
42	Keo dán ống PVC	kg	300	175.400	52.620.000	"
43	Ống uPVC D27x1,9x4	mét	9.000	13.916	125.244.000	"
44	Nối uPVC D42	cái	20	7.300	146.000	"

STT	Tên vật tư, công tác	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn vị sử dụng
45	Đầu bít inox D34	cái	20	35.000	700.000	"
46	Tê inox D27	cái	20	45.000	900.000	"
47	Nối uPVC D60	cái	100	16.954	1.695.400	"
48	Nối giảm HDPE D32x25	cái	50	36.200	1.810.000	"
49	Ống uPVC D90x3x4	mét	30	85.260	2.557.800	"
50	Van giảm áp DN50 YDK	cái	1	7.150.000	7.150.000	"
51	Cút gang DN400x45 độ	cái	1	8.965.000	8.965.000	"
52	Cút gang DN400x22,5 độ	cái	1	11.154.000	11.154.000	"
53	Trụ cứu hỏa D100 có đế	cái	6	13.000.000	78.000.000	"
54	Đầu răng inox D42	cái	10	81.000	810.000	"
55	Canh inox D60x27	cái	50	132.000	6.600.000	"
56	Van giảm áp DN500 Shinyi	cái	1	13.032.000	13.032.000	"
57	Nối uPVC D27	cái	5.000	3.626	18.130.000	"
58	Ống HDPE D25x3	mét	10.000	18.640	186.400.000	"
59	Tê PP D25	cái	200	116.000	23.200.000	"
60	Đầu bít inox D27	cái	300	33.000	9.900.000	"
61	Ống uPVC D60x2,5x4	mét	1.000	48.904	48.904.000	"
62	Nối uPVC D27 RT	cái	4.000	3.822	15.288.000	"
63	Bảng màn hình led P3-GKGD (Văn phòng Cty)	cái	1	52.920.000	52.920.000	Mua sắm thiết bị văn phòng theo yêu cầu các đơn vị trực thuộc
64	Mua Bộ bàn 6 ghế gỗ (CN Giồng Trôm)	bộ	1	14.900.000	14.900.000	"
65	Mua 3 ghế xoay nhân viên (CN Mỏ Cày)	cái	3	1.100.000	3.300.000	"
66	Đăng ký số DUNS để xác thực thông tin Doanh nghiệp	gói	1	17.690.000	17.690.000	"

STT	Tên vật tư, công tác	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn vị sử dụng
67	Mua kệ gỗ lưu trữ hồ sơ (Kệ sách 5T40) phòng TCHC	cái	1	5.400.000	5.400.000	"
68	Mua 06 loa kéo di động cho Văn phòng Cty , Đội QL Mạng & SC và 04 chi nhánh cấp nước	bộ	6	9.800.000	58.800.000	"
69	Mua 31 túi đựng máy in nhiệt cho thu ngân	bộ	31	395.000	12.245.000	"
70	Sạc dự phòng Anker cho Phòng Chống thất thoát nước	bộ	10	830.000	8.300.000	"
71	Sạc USB-C cổng PD 30w và cáp dữ liệu USB type-Cbổng PD cho Phòng Chống thất thoát nước	bộ	10	400.000	4.000.000	"
72	Tai nghe dây choàng đầu có mic Hvit H220D Đen	cái	10	395.000	3.950.000	"
73	Thay máy lạnh Panasonic 1.5 HP trạm bơm Cái Cỏ	bộ	1	16.610.000	16.610.000	"
74	Thay máy lạnh Panasonic 2,0 HP trạm bơm Ba Lai	bộ	1	25.190.000	25.190.000	"
75	Thay máy lạnh Panasonic 2.0 HP cho CN Chợ Lách	bộ	1	25.190.000	25.190.000	"
76	Thay máy lạnh Panasonic 2.5 HP cho Trạm Chệt Sậy	bộ	1	31.350.000	31.350.000	"
77	Bộ đèn Led pha điện 300 W cho NMN An Hiệp	bộ	2	4.300.000	8.600.000	"
78	Sửa chữa cổng chính NMN An Hiệp	m2	13,8	1.400.000	19.320.000	"
79	Mua Bảo hiểm cháy nổ Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc	gói	1	142.384.547	142.384.547	"
80	Bộ đèn Led pha điện 300 W cho NMNSơn Đông	bộ	2	4.300.000	8.600.000	"
81	Thiết bị thu phát sóng mạng không dây UniFi U7-LR + bộ nguồn cho phòng Tổng Giám đốc	chiếc	1	6.575.000	6.575.000	"
82	Ổ cứng Transcend 1TB 2.5" M3S TS1TSJ25M3S cho phòng Kỹ thuật	cái	1	2.862.000	2.862.000	"
83	Ổ cứng SSD 256GB cho Đội QL Mạng và SC	cái	1	1.782.000	1.782.000	"
84	Màn hình vi tính LCD DELL E2225HM-21.5"-FHD-3Y cho Đội QL Mạng và SC	bộ	1	2.550.000	2.550.000	"

STT	Tên vật tư, công tác	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn vị sử dụng
85	(RAM PC) Lexar 8GB DDR4 cho Phòng Chống TTN	cái	1	2.430.000	2.430.000	"
86	Ổ cứng gắn ngoài 4TB StoreJet 2.5" cho Phòng Chống TTN	cái	1	5.994.000	5.994.000	"
87	Màn hình vi tính LCD Acer EK221Q E3 21.5 inch 21.5INCH cho CN Giồng Trôm	cái	1	2.430.000	2.430.000	"
88	Bộ máy tính để bàn DELL ECT1250 i5-14400 + LCD DELL 21.5 E225HS cho XN Tư vấn Xây dựng	bộ	1	29.900.000	29.900.000	"
89	Máy in laser trắng đen HP Laser jet Pro 4004DW cho chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban Kiểm soát	cái	2	7.500.000	15.000.000	"
90	Máy lạnh Panasonic 1.5HP inverter cho phòng Kỹ thuật và phòng TCHC	cái	2	16.610.000	33.220.000	"
91	Google Tivi Sony 4K 43 cho NMN Sơn Đông và CN Phú Tân	cái	2	13.500.000	27.000.000	"
Tổng cộng:					2.225.905.411	

(Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm lẻ năm ngàn, bốn trăm mười một đồng).